

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ II NĂM 2013

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2013 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 2 năm 2013 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.233.789.236	163.662.554.929	26.571.234.307	116,24%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.233.789.236	163.662.554.929	26.571.234.307	116,24%

b. Thuyết minh:

- Sản lượng nước cung cấp quý 2 năm 2013 tăng so với quý 2 năm 2012 là 1.143.652 m³, tỷ lệ tăng 105,96%
- Giá nước tăng 10% vào tháng 02/2013 theo quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12/2009 của UBNDTP
- Giá bán bình quân quý 2 năm 2013 tăng so với quý 2 năm 2012 là 819,68 đồng/m³, tỷ lệ tăng 109,03%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán	182.255.900.390	153.871.967.016	28.383.933.374	118,45%
Cộng	182.255.900.390	153.871.967.016	28.383.933.374	118,45%

Trong đó chi tiết giá vốn :

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	128.176.963.780	117.216.991.359	10.959.972.421	109,35%
Chi nhân công trực tiếp	9.393.770.755	8.483.419.733	910.351.022	110,73%
Chi phí sản xuất chung	44.685.165.855	28.171.555.924	16.513.609.931	158,62%
Tổng chi phí sản xuất	182.255.900.390	153.871.967.016	28.383.933.374	118,45%
Tổng giá thành sản xuất	182.255.900.390	153.871.967.016	28.383.933.374	118,45%
Giá vốn đã cung cấp	182.255.900.390	153.871.967.016	28.383.933.374	118,45%

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp trong quý 2 năm 2013 so với quý 2 năm 2012 tăng 28.383.933.374 đồng, tỷ lệ 118,45% do :

- Sản lượng nước quý 2 năm 2013 tăng so với quý 2 năm 2012 là 1.143.652 m³, tỷ lệ tăng 105,96%
- Giá vốn bình quân theo hợp đồng mua sỉ nước sạch quý 2 năm 2013 tăng so với quý 2 năm 2012:

Tăng do giá mua bán sỉ nước sạch tạm tính là 511,62 đồng/m³, tỷ lệ tăng 108,24%

- Chi phí nhân công trực tiếp quý 2/2013 tăng so với quý 2/2012 là 910.351.022 đồng, tỷ lệ tăng 110,73%

4. Chi phí sản xuất chung quý 2/2013 tăng so với quý 2 năm 2012 là 16.513,609,931 đồng, tỷ lệ tăng 158,62% chủ yếu là tăng chi phí phục vụ cho công tác gắn mới ĐHN, chi phí khấu hao, chi phí CTOM

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	1.529.675.606	2.416.635.771	(886.960.165)	63,30%
Chi phí công cụ dụng cụ	34.500.970	4.100.000	30.400.970	841,49%
Chi phí khấu hao	96.640.013	50.450.624	46.189.389	191,55%
Dự Phòng phải thu khó đòi			-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	334.484.920	404.699.001	(70.214.081)	82,65%
Cộng	1.995.301.509	2.875.885.396	(880.583.887)	69,38%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 2 năm 2013 giảm so với quý 2 năm 2012 là 880.583.887 đồng, tỷ lệ giảm 69.38% do:

1. Chi phí nhân công giảm 886.960.165 đồng, tỷ lệ 63.30%
2. Chi phí công cụ dụng cụ tăng 30.400.970 đồng, tỷ lệ tăng 841.49%
3. Chi phí khấu hao quý 2/2013 cao hơn quý 2/2012 là 46.189.389đ, tỷ lệ 191.55%
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác quý 2/2013 giảm 70.214.081 đồng, tỷ lệ 82.65%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2.877.009.018	1.975.946.757	901.062.261	145,60%
Chi phí công cụ dụng cụ	88.292.500	291.770.248	(203.477.748)	69,74%
Chi phí khấu hao	337.198.999	364.823.817	(27.624.818)	92,43%
Dự Phòng phải thu khó đòi		(6.396.260)	6.396.260	
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	1.962.856.208	1.199.546.787	763.309.421	163,63%
Cộng	5.265.356.725	3.825.691.349	1.439.665.376	137,63%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 2/ 2013 tăng so với quý 2/2012 là 1.439.665.376 đồng, tỷ lệ tăng 137.63% do:

1. Chi phí nhân công quý 2/2013 tăng 901,062,261 đồng, tỷ lệ tăng 145.6%
2. Chi phí công cụ dụng cụ quý 2/2013 giảm so với quý 2/2012 là 203.477.748 đồng, tỷ lệ 67.74%
3. Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác quý 2/2013 tăng 763.309.421 đồng, tỷ lệ 163.63%

IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Tiền gửi có kỳ hạn	1.223.834.771	1.984.036.995	(760.202.224)	61,68%
Tiền gửi không kỳ hạn	48.798.432	78.683.874	(29.885.442)	62,02%
Cộng	1.272.633.203	2.062.720.869	(760.202.224)	61,70%

b. Thuyết minh:

Doanh thu hoạt động tài chính của quý 2 năm 2013 giảm so với quý 2 năm 2012 là 760,202,224 đồng, tỷ lệ 61.68% do lượng tiền gửi có kỳ hạn đến kỳ đáo hạn giảm và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn giảm so với quý 2/2012

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	12.545.455	32.727.276	(20.181.821)	38,33%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	95.708.814	40.737.615	54.971.199	234,94%
Thu tiền phạt			-	
Thu khác	15.130.001	73.828.971	(58.698.970)	20,49%
Cộng	123.384.270	147.293.862	(23.909.592)	83,77%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 2/2013 giảm so với quý 2/2012 là 23.909.592 đồng, tỷ lệ giảm 83.77%

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thanh lý			-	
Đăng báo mời thầu	3.430.400	11.263.636	(7.833.236)	30,46%
Lập dự phòng			-	
Khác	(10.986.645)	74.244.862	(85.231.507)	-14,80%
Cộng	(7.556.245)	85.508.498	(93.064.743)	-8,84%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 2/2013 giảm so với quý 2/2012 là 93.064.743 đồng, tỷ lệ -8.84% do quý 2/2013 điều chỉnh chi phí công trình ngầm về TK2412

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý II năm 2013	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.957.093.176	5.072.571.204	(3.115.478.028)	38,58%
Thuế TNDN	459.157.400	1.117.933.137	(658.775.737)	41,07%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.497.935.776	3.954.638.067	(2.456.702.291)	37,88%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 2 năm 2013 giảm so với lợi nhuận của quý 2 năm 2012 là 3.115.478.028 đồng, tương ứng tỷ lệ 38.58%, lợi nhuận sau thuế giảm 2.456.702.291 đồng, tương ứng tỷ lệ 37.88%

Người lập Báo cáo
Kế toán trưởng


Lại Thị Thu

Quận 5, ngày 17 tháng 07 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚT

P. Giám Đốc




Lê Thị Thanh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.783.874.304	89.410.433.962
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.979.097.272	52.295.129.608
1. Tiền	111		9.046.300.918	8.399.888.971
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.932.796.354	43.895.240.637
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39.720.092.884	-
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	39.720.092.884	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.861.069.465	18.968.472.700
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	13.391.428.149	2.043.055.167
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	9.019.914.158	14.539.451.220
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	4.096.579.266	4.032.818.421
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1.646.852.108)	(1.646.852.108)
IV. Hàng tồn kho	140		9.213.393.745	12.791.996.430
Hàng tồn kho	141	V.7	9.213.393.745	12.791.996.430
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.010.220.938	5.354.835.224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.157.296.467	25.047.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.331.679.761	5.144.718.237
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	VI.9	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	17.521.244.710	185.069.987
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		239.155.119.284	233.406.209.453
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		238.656.121.165	232.907.211.334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	224.586.940.777	188.907.190.968
Nguyên giá	222		532.545.059.772	481.508.803.192
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(307.958.118.995)	(292.601.612.224)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	880.491.496	984.898.675
Nguyên giá	228		2.580.557.333	2.366.752.333
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.700.065.837)	(1.381.853.658)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	13.188.688.892	43.015.121.691
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000	8.330.000
Đầu tư dài hạn khác	258		8.330.000	8.330.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		490.668.119	490.668.119
Chi phí trả trước dài hạn	261		490.668.119	490.668.119
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		358.938.993.588	322.816.643.415

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		188.113.623.035	136.612.261.140
I. Nợ ngắn hạn	310		157.602.976.097	114.522.358.684
1. Phải trả người bán	312	V.13	30.963.737.175	15.033.179.584
2. Người mua trả tiền trước	313	V.14	4.584.662.809	1.042.770.692
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	7.594.249.737	10.776.470.025
4. Phải trả người lao động	315		27.938.122.850	18.712.281.130
5. Chi phí phải trả	316	V.16	22.461.940.571	29.731.644.519
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	59.566.532.122	37.436.624.043
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.18	4.493.730.833	1.789.388.691
II. Nợ dài hạn	330		30.510.646.938	22.089.902.456
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	16.896.389.927	15.833.112.176
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	13.614.257.011	6.256.790.280
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	170.825.370.553	186.204.382.275
I. Vốn chủ sở hữu	410		170.825.370.553	186.204.382.275
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	V.21	130.000.000.000	130.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	22.715.880.043	20.113.571.708
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	10.813.660.474	8.014.728.761
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	7.295.830.036	28.076.081.806
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		358.938.993.588	322.816.643.415

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013



[Signature]
LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

[Signature]
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP Hồ Chí Minh

BAO CAO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2013

(Có số sánh số liệu năm 2012)

MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 2 NĂM 2013	NĂM 2012	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		MÃ B 01-DN NĂM 2012
				NĂM 2013	NĂM 2012	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.285.684.785	163.699.352.337	366.845.615.021	314.638.084.385	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	51.895.549	36.797.408	98.823.918	115.486.094	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.233.789.236	163.662.554.929	366.746.791.103	314.522.598.291	
11	Giá vốn hàng bán	182.255.900.390	153.871.967.016	346.331.869.503	293.217.122.242	
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.977.888.846	9.790.587.913	20.414.921.600	21.305.476.049	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.272.633.203	2.062.720.869	2.196.446.730	3.641.095.451	
22	Chi phí tài chính	163.711.154	140.946.197	294.075.799	307.231.987	
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>163.711.154</i>	<i>140.946.197</i>	<i>294.075.799</i>	<i>307.231.987</i>	
24	Chi phí bán hàng	1.995.301.509	2.875.885.396	3.758.313.370	4.729.003.304	
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.265.356.725	3.825.691.349	9.600.610.991	7.772.839.687	
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.826.152.661	5.010.785.840	8.958.368.170	12.137.496.522	
31	Thu nhập khác	123.384.270	147.293.862	200.503.363	352.050.835	
32	Chi phí khác	-	85.508.498	5.243.499	274.290.377	
40	Lợi nhuận khác	130.940.515	61.785.364	195.259.864	77.760.458	
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.957.093.176	5.072.571.204	9.153.628.034	12.215.256.980	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	459.157.400	1.117.933.137	1.944.562.671	2.618.920.306	
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
60		1.497.935.776	3.954.638.067	7.209.065.363	9.596.336.674	
70		115,23	304,20	554,54	738,18	

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI KIỂM TRA

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHẤM ĐÓC

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÍ 2

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		9.153.628.034	12.215.256.980
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.674.718.950	15.481.352.243
- Các khoản dự phòng	03		-	(6.396.260)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.196.446.730)	(3.641.095.451)
- Chi phí lãi vay	06		294.075.799	307.231.987
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.925.976.053	24.356.349.499
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.565.408.749)	(11.965.956.441)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.921.877.873	(2.521.317.966)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		46.118.280.481	17.982.508.924
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.132.249.467)	94.463.330
- Tiền lãi vay đã trả	13		(294.075.799)	(307.231.987)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(5.861.514.190)	(4.244.149.616)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		50.506.400	35.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.384.241.343)	(2.618.851.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.779.151.259	20.810.813.998
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	21		(22.382.868.134)	(32.310.817.060)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.720.092.884)	(1.000.000.000)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.346.122.467	4.563.480.448
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(59.756.838.551)	(28.747.336.612)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.285.200.697	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(927.733.966)	(927.733.966)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.695.811.774)	(17.099.589.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.338.345.043)	(18.027.323.316)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(32.316.032.336)	(25.963.845.930)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.295.129.608	71.714.690.471
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	19.979.097.272	45.750.844.541

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013



Lại Thị Thu
LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

Vũ Thị Như Quỳnh
VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ, thương mại
3. Ngành, nghề kinh doanh : Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
Xây dựng công trình cấp nước;
Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
Lập dự án;
Thẩm tra thiết kế;
Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 399 người (chưa bao gồm lao động thời vụ).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2013 là năm tài chính thứ 07 của Công ty kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006. Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Phương tiện truyền dẫn	10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư cho dự án đầu tư đường ống dẫn nước chưa hoàn thành bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát thiết kế, mua mới thiết bị, chi phí xây dựng... liên quan đến hệ thống đường ống dẫn nước phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Chi phí phải trả của Công ty bao gồm:

Trích trước chi phí phải trả cho nhà thầu theo giá dự toán đối với công trình xây dựng cơ bản tạm tăng tài sản cố định khi có nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

Trích trước chi phí gấn Đồng hồ nước và cái tạo ống mục đã thực hiện nhưng chưa quyết toán.

11. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu của hoạt động cấp nước được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	12.298.865	45.116.538
Tiền gửi ngân hàng	9.034.002.053	8.354.772.433
Các khoản tương đương tiền	10.932.796.354	43.895.240.637
Cộng	19.979.097.272	52.295.129.608

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 5 – 12 tháng	39.720.092.884	-
Cộng	39.720.092.884	-

3. Phải thu khách hàng

Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	13.391.428.149	2.043.055.167
Cộng	13.391.428.149	2.043.055.167

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH Đăng Hưng	563.327.750	563.327.750
Công ty CP Đầu tư & XD Trường An	-	305.953.962
Công ty CP Tư vấn XD Cấp Nước	554.488.758	608.373.956
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ông Hoàng Thăng	760.738.434	810.821.820
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	-	-
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.679.128.848	2.113.969.986
Công ty TNHH TM XD Việt Long	1.038.819.693	4.614.883.494
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)	98.676.377	535.148.392
CN Tổng công ty Cơ Điện -XDNN	348.040.000	348.040.000
Công ty TNHH Đan Vĩ	481.940.994	1.752.886.404
Công ty TNHH Lộc Hưng Thịnh Phát	-	797.032.080
Công ty Cổ phần Đại Lộc	1.062.038.812	-
Công ty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M.A.T	535.233.434	-
Công ty TNHH DV DL OSC Frist Holidays	583.125.000	-
Các nhà cung cấp khác	823.094.204	1.597.751.522
	9.019.914.158	14.539.451.220

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.903.823.697	2.927.761.797
Ngân hàng Ngoại Thương	-	-
Ngân hàng NN và PT Nông Thôn CN Hoà Bình	-	31.250.000
Ngân hàng Phương Nam CN Hồng Bàng	-	61.250.000
Ngân hàng Tín Nghĩa	-	-
Ngân hàng TM CP An Bình	-	23.873.501
Ngân hàng TM CP Viet A	-	33.302.236
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	784.427.764	599.759.674
Phải thu các đối tượng khác	408.327.805	355.621.213
Cộng	4.096.579.266	4.032.818.421

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 1 năm và dưới 2 năm	546.516.760	546.516.760
Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	1.100.335.348	1.100.335.348
Cộng	1.646.852.108	1.646.852.108

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.127.958.717	10.230.888.678
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	85.435.028	2.561.107.752
Cộng	9.213.393.745	12.791.996.430

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm		25.047.000
Số phát sinh tăng trong năm	3.843.555.593	
Số phân bổ trong năm	1.711.306.126	
Số chờ phân bổ chuyển sang năm sau	2.157.296.467	

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	17.369.710.723	33.536.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	151.533.987	151.533.987
Cộng	17.521.244.741	185.069.987

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	2.036.875.500	1.856.388.679	469.815.977.521	7.799.561.492	481.508.803.192
Tăng trong kỳ	-	67.716.000	59.888.615.953	2.449.691.904	62.406.023.857
Mua trong năm	-	67.716.000	452.840.308	2.449.691.904	2.970.248.212
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	59.435.775.645	-	59.435.775.645
Giảm trong kỳ	-	227.580.455	9.826.743.580	1.315.443.242	11.898.806.602
Giảm theo kết quả quyết toán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	227.580.455	9.826.743.580	1.315.443.242	-11.369.767.277
Số cuối kỳ	2.036.875.500	1.696.524.224	519.877.849.894	8.177.190.374	532.545.059.772
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	1.441.377.697	1.583.108.737	285.455.899.186	4.121.226.604	292.601.612.224
Khấu hao trong kỳ	35.533.782	31.892.426	21.273.337.420	583.895.484	21.924.659.112
Giảm trong kỳ	-	80.921.393	6.184.142.344	303.088.604	6.568.152.341
Giảm khác	-	-	6.184.142.344	303.088.604	6.568.152.341
Số cuối kỳ	1.476.911.479	1.695.922.556	300.545.094.262	4.402.033.484	307.958.118.995
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	595.497.803	273.279.942	184.360.078.335	3.678.334.888	188.907.190.968
Số cuối kỳ	559.964.021	162.444.454	219.332.755.632	4.531.776.670	224.586.940.777

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Số đầu kỳ	2.366.752.333	2.366.752.333
2. Tăng trong kỳ	213.805.000	213.805.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>213.805.000</i>	<i>213.805.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	2.580.557.333	2.580.557.333
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu kỳ	1.381.853.658	1.381.853.658
2. Tăng trong kỳ	1.381.853.658	1.381.853.658
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	1.700.065.837	1.700.065.837
III. Giá trị còn lại		
1. Số đầu kỳ	984.898.675	984.898.675
2. Số cuối kỳ	880.491.496	880.491.496

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Gồm những chi phí đầu tư vào các công trình cải tạo, sửa chữa; Các công trình phát triển mạng lưới cung cấp nước và các công trình khác. Chi tiết phát sinh tăng giảm các công trình trong năm như sau:

Số đầu kỳ:	43.015.121.691 VND
Đầu tư thêm trong kỳ:	45.320.921.034 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ:	57.945.199.649 VND
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ:	17.202.154.184 VND
Số cuối kỳ:	13.188.688.892 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	25.137.171.299	4.491.731.375
Công ty CP Công trình giao thông Quận 8	35.539.528	35.539.528
Công ty TNHH An Phát	36.212.445	36.212.445
Công ty CP TV & ĐT Đô Thị Việt	6.838.750	6.838.750
Công ty CP ĐT XD và TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty TNHH Công Nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	10.497.500	10.497.500
Công ty QL CTGT Sài Gòn	2.890.911.019	5.299.301.833
Công ty TNHH CTCTN&HT Đô Thị M,A,T	-	419.263.210
Công ty CP Đại Lộc	-	3.285.253
Công ty TNHH Đạt Đức	148.124.039	148.124.039
Công ty CP Đầu Tư Minh Hòa	-	955.240.000
Công ty CP Cơ Khí CT Cấp Nước	704.316.178	2.651.293.065
Công ty TNHH Khôi Việt	-	576.006.200
Cty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty CP Đầu tư & XD Trường An	940.072.286	-
Công ty TNHH Lộc Hưng Thịnh Phát	321.211.379	-
Phải trả người bán khác	229.618.444	148.234.232
Cộng	30.963.737.175	15.033.179.584

14. Người mua trả tiền trước

Truy thu tiền thất thoát nước	458.139.465	663.788.540
Thu tiền nước khách hàng	3.660.491.466	-
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	72.328.785	50.287.699
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	107.839.500	107.839.500
Các khách hàng khác	285.863.593	220.854.953
Cộng	4.584.662.809	1.042.770.692

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán cung cấp dịch vụ nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.376.108.919	1.944.562.671	5.861.514.190	459.157.400
Thuế thu nhập cá nhân	561.774.739	2.641.443.040	2.830.598.849	372.618.930
Các loại thuế khác	5.838.586.367	35.404.005.017	34.480.117.977	6.762.473.407
Thuế môn bài	-	3.720.000	3.720.000	-
Các khoản phí, lệ phí	5.838.586.367	35.400.285.017	34.476.397.977	6.762.473.407
Cộng	10.776.470.025	39.990.010.728	43.172.231.016	7.594.249.737

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- Cung cấp nước : 5%

- Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trích trước chi phí thuế thực hiện các công trình cải tạo và phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	18.720.693.423	23.367.595.399
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước và lãi vay	3.741.247.148	6.364.049.120
Cộng	22.461.940.571	29.731.644.519

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn, BH xã hội, BH Y tế	681.059	209.064.634
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.086.985.585	928.877.580
Phải trả TCT CP xây dựng cơ bản dở dang tài sản cố định	8.618.508.656	8.190.431.374
Phải trả khác Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	8.911.075.546	13.391.600.334
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	152.634.480	4.462.325
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.487.476.006	633.287.780
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	2.493.916.070	2.493.916.070
Khu quản lý giao thông đô thị số 4	6.180.598.889	6.180.598.889
Ban Quản Lý Dự Án Thoát Nước Đô Thị	1.802.978.134	1.126.832.134
Ban Quản Lý Dự Án Cải Tạo Kênh Ba Bò	775.526.940	775.526.940
Ban QLĐT Xây Dựng Công Trình Quận 6	5.230.065.000	2.403.048.000
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng IDICO	723.708.135	723.708.135
Ban BT giải phóng mặt bằng Quận 6	21.602.479.000	-
Phải trả khác	499.898.622	375.269.848
Cộng	59.566.532.122	37.436.624.043

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.274.908.288	2.239.145.371	50.006.400	1.314.900.000	2.249.160.059
Quỹ phúc lợi	514.480.403	2.239.145.371	500.000	509.555.000	2.244.570.774
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	559.786.343	-	559.786.343	-
Cộng	1.789.388.691	5.038.077.085	50.506.400	2.384.241.343	4.493.730.833

19. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm	16.896.389.927	15.833.112.176
Cộng	16.896.389.927	15.833.112.176

20. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu kỳ	Vay thêm trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số cuối kỳ
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	65.398.111	-	13.714.000	51.684.111
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	974.395.191	-	174.998.000	799.397.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	1.299.392.927	-	285.156.000	1.014.236.927
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	563.590.616	-	92.600.000	470.990.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	2.864.297.823	-	316.000.000	2.548.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	395.904.089	-	39.213.610	356.690.479
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	93.811.523	-	6.052.356	87.759.167
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012		3.317.989.251		3.317.989.251
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012		4.967.211.446		4.967.211.446
Cộng	6.256.790.280	8.285.200.697	927.733.966	13.614.257.011

Các khoản vay dài hạn Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn chi tiết như sau:

-	Hợp đồng vay	: Số HĐ 4198/ HĐVV - TCT - KTTT ngày 24 tháng 08 năm 2007
+	Hạn mức vay	: 246.869.000 VND
+	Lãi vay	: 5.4%/năm
+	Thời hạn vay	: 10 năm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
- + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HĐ 4371/HĐVV - TCT - KTTC ngày 05 tháng 09 năm 2007*
 - + Hạn mức vay : 3.149.964.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1389/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Hạn mức vay : 5.132.808.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1390/HĐVV- TCT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Hạn mức vay : 1.666.800.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008*
 - + Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009*
 - + Hạn mức vay : 705.845.000 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010*
 - + Hạn mức vay : 108.942.413 VND
 - + Lãi vay : 8.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26 tháng 11 năm 2012*
 - + Hạn mức vay : 5.239.758.000 VND
 - + Lãi vay : 11.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- *Hợp đồng vay* : *Số Hợp đồng 3702/HĐVV - TCT – KTTC ngày 26 tháng 11 năm 2012*
 - + Hạn mức vay : 8.155.804.000 VND
 - + Lãi vay : 11.4%/năm
 - + Thời hạn vay : 10 năm
 - + Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
 - + Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BẢO CAO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	130.000.000.000	17.652.353.119	5.522.531.743	-	25.008.734.851	178.183.619.713
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	27.989.317.133	27.989.317.133
Tăng khác	-	1.568.960.658	-	-	-	1.568.960.658
Trích lập quỹ năm trước	-	892.257.931	2.492.197.018	-	(7.371.970.178)	(3.987.515.229)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(17.550.000.000)	(17.550.000.000)
Chi quỹ năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm trước						
Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	20.113.571.708	8.014.728.761	-	28.076.081.806	186.204.382.275
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.209.065.363	7.209.065.363
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ kỳ này	-	2.602.308.335	2.798.931.713	-	(10.439.317.133)	(5.038.077.085)
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	(17.550.000.000)	(17.550.000.000)
Chi quỹ kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	130.000.000.000	22.715.880.043	10.813.660.474	-	7.295.830.036	170.825.370.553

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Doanh thu cung cấp nước	360.878.886.002	310.547.456.905
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.966.729.019	4.090.627.480
	366.845.615.021	314.638.084.385
<i>Các khoản giảm trừ</i>		
Hàng bán bị trả lại	(98.823.918)	(115.486.094)
Hàng bán bị trả lại cung cấp nước	(10.320.590)	(6.205.600)
Hàng bán bị trả lại cung cấp dịch vụ	(88.503.328)	(109.280.494)
	(98.823.918)	(115.486.094)
Doanh thu thuần	366.746.791.103	314.522.598.291

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Giá vốn cung cấp nước (*)	342.777.680.483	290.051.746.559
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.554.189.020	3.165.375.683
Cộng	346.331.869.503	293.217.122.242

(*) Chi tiết giá vốn cung cấp nước trong năm như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	248.168.752.703	225.631.479.490
Chi phí nhân công trực tiếp	17.890.753.513	16.188.496.002
Chi phí sản xuất chung	76.718.174.267	48.231.771.067
Tổng chi phí sản xuất	342.777.680.483	290.051.746.559
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		-
Tổng giá thành sản phẩm	342.777.680.483	290.051.746.559
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	-	-
Giá vốn nước đã cung cấp	342.777.680.483	290.051.746.559

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.081.481.409	3.439.617.735
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	114.965.321	201.477.716
Cộng	2.196.446.730	3.641.095.451

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	294.075.799	307.231.987
Cộng	294.075.799	307.231.987

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	2.835.282.748	3.746.520.809
Chi phí công cụ dụng cụ	96.410.971	11.842.000
Chi phí khấu hao	188.552.720	97.748.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài		872.891.795
Chi phí bằng tiền khác	638.066.931	
Cộng	3.758.313.370	4.729.003.304

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Chi phí nhân viên	5.641.343.419	4.578.871.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	177.292.182	508.654.330
Chi phí khấu hao	678.237.020	709.303.731
Thuế, phí và lệ phí	3.720.000	3.000.000
Chi phí dự phòng		(6.396.260)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.438.510	320.886.972
Chi phí bằng tiền khác	2.816.579.860	1.658.519.889
Cộng	9.600.610.991	7.772.839.687

7. Thu nhập khác

Thu hồ sơ mời thầu	35.272.730	59.636.367
Khách hàng đầu tư không hoàn vốn ổng cái	150.100.632	113.617.835
Thu thanh lý vật tư, CCDC		104.967.662
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định		-
Thu phạt vi phạm theo tiến độ hợp đồng		-
Thu nhập khác	15.130.001	73.828.971
Cộng	200.503.363	352.050.835

8. Chi phí khác

Chi phí hồ sơ mời thầu	4.230.400	17.345.454
Xử lý nguyên vật liệu thiếu		-
Xử lý công nợ không thu hồi được		-
Phạt chậm nộp		147.532.787
Chi phí thanh lý	5.454.545	69.727.268
Chi phí khác	-4.441.446	39.684.868
Cộng	5.243.499	274.290.377

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	9.153.628.034	12.215.256.980
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		
Thu nhập chịu thuế	9.153.628.034	12.215.256.980
Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh nước sạch (25% được miễn giảm 5%)	6.876.886.761	8.697.878.787
+ Thu nhập từ thu nhập khác (25%)	2.276.741.273	3.517.378.193

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp (25%)	2.288.407.009	3.053.814.245
Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.288.407.009	3.053.814.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 5%	(343.844.338)	(434.893.939)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.944.562.671	2.618.920.306

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Năm 2013 là năm Công ty đã hết ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty và là năm thứ bảy Công ty được tính theo mức thuế suất ưu đãi 20% trên thu nhập tính thuế.

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Lợi nhuận sau thuế	7.209.065.363	9.596.336.674
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.209.065.363	9.596.336.674
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	554.54	738

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.952.484.301	16.923.128.463
Chi phí nhân công	30.481.389.121	33.191.377.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.580.859.742	15.481.352.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.507.307.997	14.491.627.344
Cộng	<u>111.522.041.161</u>	<u>80.087.485.743</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán	18.540.679.069	20.156.643.235
Cổ tức chưa thanh toán	1.487.476.006	993.351.030
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	<u>149.675.737</u>	<u>922.384.997</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty CP cấp nước Bến Thành	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa	Công ty cùng tập đoàn
Chi nhánh cấp nước Trung An	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh	Công ty cùng tập đoàn	
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty cùng tập đoàn	
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước	Công ty cùng tập đoàn	
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân	Công ty cùng tập đoàn	
Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hoá	283.828.311.891	256.724.240.593
Thanh toán tiền hàng	263.182.871.967	240.594.782.832
Vay dài hạn	8.285.200.697	-
Đã trả	927.733.966	927.733.966
Phải trả chi phí XDCB và TSCĐ	5.519.551.218	571.095.292
Đã trả	9.571.998.724	1.032.850.797
Phải thu các khoản chi hộ	93.521.300	184.268.735
Đã thu	117.459.400	223.954.163
Nhượng bán vật tư, thi công trụ cứu hỏa	68.530.836	171.732.712
Đã thu	115.844.188	171.732.712
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả tiền ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	38.000.000	
Đã trả tiền ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	16.000.000	
Phải trả chi phí thực hiện công trình XDCB	-	-
Đã trả chi phí thực hiện công trình XDCB	-	43.391.855
Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, giá công Đồng hồ nước	5.970.239.715	1.140.965.939
Đã trả	7.917.216.602	1.423.265.181
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	494.908.572	95.566.691
Đã trả	441.023.374	773.433.149

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Nợ phải thu	2.903.823.697	2.975.075.149
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn trước CP	2.872.765.106	2.872.765.106
Phải thu các khoản chi hộ giai đoạn sau CP	31.058.591	54.996.691
Nợ phải thu thi công trụ cứu hỏa	0	47.313.352
Nợ phải trả	56.281.012.512	32.438.392.863
Phải trả tiền mua nước và vật tư ngành nước	25.137.171.299	4.491.731.375
Phải trả khác	17.529.584.202	21.582.031.708
Phải trả tiền vay	13.614.257.011	6.256.790.280
Ứng trước thi công trụ cứu hỏa		107.839.500
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả tiền đặt cọc di dời đường ống	118.000.000	96.000.000
Phải trả chi phí thực hiện công trình XD CB		-
Công ty Cổ phần cơ khí Công Trình Cấp Nước		
Phải trả tiền ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	351.919	351.919
Đã trả tiền ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	-
Ứng trước tiền thực hiện công trình XD CB, giá công		
Đồng hồ nước	704.316.178	2.651.644.984
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập Báo cáo đầu tư và khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát công trình	554.488.758	608.373.956

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Tiền lương	445.289.523	955.892.381
Các khoản bảo hiểm phải trả	13.921.116	18.934.141
Cộng	459.210.639	974.826.522

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và Bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận cung cấp nước sạch: Mua và phân phối nước sạch.

Bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác: Dịch vụ gắn mới, di dời, mở nước, bấm chì, tái lập mặt đường ...

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nước sạch	Dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	341.208.670.977	352.281.888	-	341.560.952.865
Tài sản không phân bổ			17.378.040.723	17.378.040.723
Tổng tài sản				358.938.993.588
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	147.621.487.737	466.031.878	-	148.087.519.615
Nợ phải trả phân bổ	35.067.565.253	464.807.334	-	35.532.372.587
Nợ phải trả không phân bổ			4.493.730.833	4.493.730.833
Tổng nợ phải trả				188.113.623.035
Số đầu kỳ				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	322.342.834.686	431.942.729	-	322.774.777.415
Tài sản không phân bổ			41.866.000	41.866.000
Tổng tài sản				322.816.643.415
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	104.955.139.142	378.982.152	-	105.334.121.294
Nợ phải trả phân bổ	28.148.953.056	1.339.798.099	-	29.488.751.155
Nợ phải trả không phân bổ			1.789.388.691	1.789.388.691
Tổng nợ phải trả				136.612.261.140

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Nước sạch	Dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
6 tháng đầu năm 2013				
Doanh thu bộ phận	360.868.565.412	5.878.225.691	-	366.746.791.103
Chi phí hoạt động phân bổ	(355.922.487.708)	(3.768.306.156)	-	(359.690.793.864)
Chi phí lãi vay	(294.075.799)	-	-	(294.075.799)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.652.001.905	2.109.919.535	-	6.761.921.440
Doanh thu tài chính			2.196.446.730	2.196.446.730
Lãi khác			195.259.864	195.259.864
Lợi nhuận trước thuế			2.391.706.594	9.153.628.034
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.944.562.671)	(1.944.562.671)
Lợi nhuận trong kỳ				7.209.065.363

	Nước sạch	Dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
6 tháng đầu năm 2012				
Doanh thu bộ phận	310.541.251.305	3.981.346.986	-	314.522.598.291
Chi phí hoạt động phân bổ	(302.395.336.454)	(3.323.628.779)	-	(305.718.965.233)
Chi phí lãi vay	(307.231.987)	-	-	(307.231.987)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.838.682.864	657.718.207	-	8.496.401.071
Doanh thu tài chính			3.641.095.451	3.641.095.451
Lãi khác			77.760.458	77.760.458
Lợi nhuận trước thuế			3.718.855.909	12.215.256.980
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.618.920.306)	(2.618.920.306)
Lợi nhuận trong kỳ				9.596.336.674

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.979.097.272	52.295.129.608
Đầu tư ngắn hạn	39.720.092.884	-
Phải thu khách hàng	13.391.428.149	2.043.055.167
Các khoản phải thu khác	4.096.579.266	4.032.818.421
Ký quỹ ngắn hạn	151.533.987	151.533.987
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	8.330.000
Cộng	77.347.061.558	58.530.867.183
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	13.614.257.011	6.256.790.280
Phải trả cho người bán	30.963.737.175	15.033.179.584
Chi phí phải trả	22.461.940.571	29.731.644.519
Các khoản phải trả khác	74.822.130.504	52.422.920.480
Cộng	141.862.065.261	103.444.534.863

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh chính ở Bộ phận cung cấp nước sạch, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khoản phải thu khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	1.855.467.932	9.399.920.775	2.358.868.304	13.614.257.011
Phải trả cho người bán	30.963.737.175	-	-	30.963.737.175
Chi phí phải trả	22.461.940.571	-	-	22.461.940.571
Các khoản phải trả khác	57.925.740.577	16.896.389.927	-	74.822.130.504
Cộng	113.206.886.255	26.296.310.702	2.358.868.304	141.862.065.261

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu kỳ				
Vay và nợ	1.855.467.932	4.368.034.385	33.287.963	6.256.790.280
Phải trả cho người bán	15.033.179.584	-	-	15.033.179.584
Chi phí phải trả	29.731.644.519	-	-	29.731.644.519
Các khoản phải trả khác	36.589.809.304	15.833.112.176	-	52.422.921.480
Cộng	83.210.101.339	20.201.146.561	33.287.963	103.444.535.863

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.979.097.272	-	-	19.979.097.272
Đầu tư ngắn hạn	39.720.092.884	-	-	39.720.092.884
Phải thu khách hàng	13.391.428.149	-	-	13.391.428.149
Các khoản phải thu khác	4.096.579.266	-	-	4.096.579.266
Ký quỹ ngắn hạn	151.533.987	-	-	151.533.987
Đầu tư dài hạn	8.330.000	-	-	8.330.000
Cộng	77.347.061.558	-	-	77.347.061.558

Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.295.129.608	-	-	52.295.129.608
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	2.043.055.167	-	-	2.043.055.167
Các khoản phải thu khác	4.032.818.421	-	-	4.032.818.421
Ký quỹ ngắn hạn	151.533.987	-	-	151.533.987
Đầu tư dài hạn	8.330.000	-	-	8.330.000
Cộng	58.530.867.183	-	-	58.530.867.183

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Địa chỉ: Số 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/06/2013	Tại ngày 01/01/2013
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	33,37	27,70
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	66,63	72,30
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	52,41	42,32
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	47,59	57,68
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,91	2,36
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,76	0,78
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,13	0,46
Tỷ suất sinh lời		6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	2,50	3,88
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,97	3,05
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	2,69	4,43
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	2,11	3,48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,04	5,57

5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2013



LÊ THỊ THANH TÂM
P. Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính